|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH:……**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /BC-BGDĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…., ngày tháng …. năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả 10 năm thực hiện**

**phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (giai đoạn 2010-2020)**

**I. Đánh giá kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

**1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện**

*(1) Đánh giá kết quả thực hiện công tác tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của tỉnh/TP về công tác PCGDMNTNT (Tập trung vào công tác ban hành văn bản, kiện toàn ban chỉ đạo; ban hành các văn bản để phát triển mạng lưới, quy mô trường, lớp; đầu tư đội ngũ, CSVC, kinh phí - Kèm theo bảng phụ lục các văn bản đã ban hành, gồm: Chỉ thị, Kế hoạch, Đề án, Nghị quyết, Chính sách để thực hiện PCGDMNTNT giai đoạn 2010-2020);*

*(2) Tổ chức hội nghị, tập huấn bồi dưỡng về công tác PCGDMNTNT: Số lớp bồi dưỡng; bình quân số lượt CBQL, GV được bồi dưỡng hằng năm...*

**2. Công tác tuyên truyền:** *hình thức, nội dung…*

**3. Kết quả phát triển mạng lưới trường lớp giáo dục mầm non**

*- Quy mô trường (tính đến học kỳ I năm học 2019-2020): Số trường (Công lập, ngoài công lập); số điểm trường; so sánh với năm học 2010-2011.*

*- Số nhóm, lớp, lớp MG 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ NT, MG, Trẻ MG 5 tuổi, so sánh với năm học 2010-2011.*

*- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học:*

*Phòng học: Số phòng/số lớp; số phòng thiếu; số phòng kiên cố (số lượng, tỷ lệ); số phòng học tạm (số lượng, tỷ lệ); phòng học nhờ (số lượng, tỷ lệ). So với năm học 2010-2011, tỷ lệ phòng học kiên cố tăng ….%.*

*Số phòng học xây mới trong giai đoạn; số phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, nhà công vụ, bếp ăn một chiều, sân chơi; đồ chơi; bố trí đất, tài liệu …để thực hiện PCGDMNTNT*

*- Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: kết quả và so sánh với năm học 2010-2011.*

**4. Kết quả phát triển đội ngũ**

*+ Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên. Chia ra: CBQL, GV, NV, NV HĐ 68. Bình quân giáo viên/lớp, trong đó: nhà trẻ đạt ….. GV/lớp, mẫu giáo đạt ….GV/lớp; Số giáo viên còn thiếu:……….; So sánh các thông tin về đội ngũ nêu trên với năm học 2010-2011.*

*+ Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non: Đánh giá Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên (số lượng, tỷ lệ), trong đó, trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ) - Tính theo Luật GD 2005; công tác đào tạo tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc; Số lớp, số lượt giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi được bồi dưỡng giai đoạn 2010-2020*

*- Kết quả thực hiện các chính sách đối với trẻ và giáo viên: (1) Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách theo Nghị định số 06 (hỗ trợ ăn trưa, tăng cường tiếng Việt, dạy lớp ghép; ký hợp đồng lao động, xếp lương ở chức danh giáo viên mầm non hạng IV); (2)Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách của tỉnh (Nếu có đề nghị báo cáo cụ thể các chính sách, đối tượng, kinh phí chi trả giai đoạn 2010-2020).*

**5. Đầu tư tài chính**

*Ngân sách đầu tư: Đánh giá kết quả đầu tư cho PCGDMNTNT giai đoạn 2010-2020; tỷ lệ ngân sách đầu tư cho giáo dục mầm non/tổng ngân sách cho GD của tỉnh hằng năm.*

**6. Kết quả trên trẻ em**

*- Chất lượng chăm sóc, giáo dục; Số lượng trẻ em suy dinh dưỡng (nêu từng thể SDD, số lượng, tỷ lệ); so sánh với năm 2010-2011;*

- Số lượng trẻ em 5 tuổi được phổ cập; số trẻ em hoàn thành Chương trình GDMN; *so sánh với năm 2010-2011.*

**II. Thành tựu nổi bật**

*1. Đánh giá kết quả, thành tự nổi bật về thực hiện các điều kiện đảm bảo phổ cập GDMNTNT*

*2. Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMNTNT*

*So sánh với năm 2010-2011 (tăng, giảm).*

**III. Khó khăn, hạn chế, nguyên nhân**

*1) Khó khăn, hạn chế*

Nêu khó khăn hạn chế về:

+ Công tác tham mưu, chỉ đạo;

+ Công tác quy hoạch, phát triển trường, lớp;

+ Công tác xây dựng đội ngũ;

+ Công tác đầu tư CSVC;

+ Tài chính

+ Khó khăn đặc thù khác

*2) Nguyên nhân*

*3) Giải pháp*

**IV. Bài học kinh nghiệm**

**V. Kế hoạch thực hiện công tác duy trì, đạt chuẩn PCGDMNTNT giai đoạn 2021-2030, đề xuất, kiến nghị**

**1. Kế hoạch**

**2. Kiến nghị, đề xuất với tỉnh**

**3. Kiến nghị đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**4. Kiến nghị đề xuất với các bộ, ngành**

**5. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ**

**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN CỦA TỈNH BAN HÀNH**

**ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM 5 TUỔI - GIAI ĐOẠN 2010-2020**

**1. Văn bản do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành**

*Liệt kê các văn bản gồm: Số hiệu văn bản, ngày ban hành, đơn vị ban hành, tên văn bản*

**2. Các văn bản, chính sách phát triển GDMN do UBND tỉnh ban hành**

*Liệt kê các văn bản gồm: Số hiệu văn bản, ngày ban hành, đơn vị ban hành, tên văn bản*